

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 764 /BTNMT-TCMT

Vv đôn đốc triển khai thi hành Luật Bảo vệ
môi trường năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 343/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Quyết định số 343/QĐ-TTg).

Để báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình triển khai Quyết định số 343/QĐ-TTg, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo các nội dung triển khai Quyết định số 343/QĐ-TTg theo đề cương gửi kèm.

Báo cáo của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp **trước ngày 31 tháng 3 năm 2022**.

Trân trọng./.

Noi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu VT, TCMT,



Đề cương báo cáo triển khai Quyết định số 343/QĐ-TTg

1. Kế hoạch triển khai

Thông tin về việc ban hành Quyết định triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường: số văn bản, ngày tháng của văn bản, trích yếu văn bản.

2. Rà soát văn bản pháp luật

Số lượng văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được rà soát; số lượng văn bản đề xuất bãi bỏ; số lượng văn bản chỉnh sửa, bổ sung;

| TT | Tên gọi, số, ký hiệu, trích yếu |
|-------------------------------------------------|---------------------------------|
| I. Các văn bản giữ nguyên | |
| 1. | |
| 2. | |
| | |
| II. Các văn bản đề xuất bãi bỏ toàn bộ | |
| 1. | |
| 2. | |
| ... | |
| III. Các văn bản đề xuất bãi bỏ một phần | |
| 1. | |
| 2. | |
| ... | |

3. Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Bảo vệ môi trường

Thông kê về tuyên truyền, phổ biến, tập huấn bảo vệ môi trường được triển khai tại địa phương

| Hội thảo, hội nghị, tập huấn, tọa đàm | | | Số tài liệu phổ biến luật được pháp hành | Thi tìm hiểu pháp luật | | Hình thức khác |
|---------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|
| Số cuộc phổ biến Luật | Hình thức (trực tuyến hay trực tiếp) | Số lượng người tham dự | Số tài liệu được phát hành trực tiếp (sách, bài tuyên truyền, sổ tay, tờ roi... - ghi rõ từng loại) | Số lượng tài liệu đăng trên internet | Số cuộc thi tìm hiểu Luật | Số lượt người dự thi |
| | | | | | | |

4. Xây dựng văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Nêu rõ tên văn bản, nội dung quy định chi tiết (theo các nội dung được giao tại Luật Bảo vệ môi trường)

| STT | Nội dung quy định chi tiết | Tên gọi, số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Trích yếu nội dung của văn bản | Ghi chú |
|-----------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| I. Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh | | | | |
| 1. | Khoản 3 Điều 45, điểm b khoản 4 Điều 169 | Nghị quyết 59/2021/NQ-HĐND; Ngày 11/01/2022 | quy định về mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng | |
| 2. | điểm a khoản 4 Điều 169 | | | |
| II. Quyết định của UBND cấp tỉnh | | | | |
| 1. | điểm a khoản 3 Điều 14 | | | |
| 2. | điểm c khoản 5 Điều 51 | | | |
| 3. | điểm b và điểm c khoản 6 Điều 52 | | | |
| 4. | khoản 6 Điều 53 | | | |
| 5. | điểm c khoản 2 Điều 58; | | | |
| 6. | khoản 6 Điều 62 | | | |
| 7. | khoản 6 Điều 64; khoản 8 Điều 64; | | | |
| 8. | khoản 6 Điều 65 | | | |
| 9. | khoản 7 Điều 72 | | | |
| 10. | khoản 2, 6 Điều 75 | | | |
| 11. | khoản 4 Điều 77 | | | |
| 12. | khoản 6 Điều 79 | | | |
| 13. | điểm c khoản 5 Điều 81 | | | |
| 14. | khoản 3 Điều 83 | | | |
| 15. | các điểm b, c và d khoản 5 Điều 86 | | | |
| | | | | |